

Số:1324/QĐ-UBND

Nghĩa Trụ, ngày 28 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHĨA TRỤ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 19/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”;

Căn cứ Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Công văn số 819/ SVHTTDL - NSVHGD ngày 07/10/2025 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn tạm thời xét tặng danh hiệu Văn hóa năm 2025;

Xét biên bản và danh sách đề nghị công nhận “Gia đình văn hóa” năm 2025 của 27 thôn và đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 142/TTr-VHXXH ngày 28/11/2025 về việc đề nghị công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2025 của 27 thôn (Có danh sách gia đình văn hóa năm 2025 kèm theo).

Điều 2. Ban chỉ đạo phong trào “TDĐKXDĐSVH” xã Nghĩa Trụ có trách nhiệm chỉ đạo hướng dẫn các thôn công bố quyết định công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” năm 2025 ở khu dân cư.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng các phòng Văn hóa - xã hội, Kinh tế, các ngành có liên quan; Trưởng thôn, các hộ gia đình có tên trong danh sách tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; (để b/c)
- BCĐ phong trào “TDĐKXDĐSVH” xã;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND xã;
- Lưu VT, VHXXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Chương

DANH SÁCH
HỘ GIA ĐÌNH ĐẠT TIÊU CHÍ GIA ĐÌNH VĂN HÓA NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND Ngày /12/2025 của UBND xã Nghĩa Trụ)

STT	Tên thôn	Tổng số hộ	Số hộ đạt danh hiệu văn hóa	Tỷ lệ đạt %
1	Thôn Đại Tài	207	200	96.62
2	Thôn Lê Cao	346	335	96.82
3	Thôn Phúc Thọ	410	397	96.83
4	Thôn Tam Kỳ	421	405	96.20
5	Thôn Đồng Tỉnh	541	510	94.27
6	Thôn 11	270	260	96.30
7	Thôn 12	358	342	95.53
8	Thôn 13	169	162	95.86
9	Thôn 14	211	203	96.21
10	Thôn Vĩnh An	735	700	95.24
11	Thôn Thượng Tân	541	513	94.82
12	Thôn Hạ Tân	323	310	95.98
13	Thôn Độ	309	295	95.47
14	Thôn Lương	329	315	95.74
15	Thôn Cầu	339	320	94.40
16	Thôn Chiêu Đông	151	142	94.04
17	Thôn Đông Khúc	343	328	95.63
18	Thôn Giáo Phòng	124	118	95.16
19	Thôn Du Tràng	297	285	95.96
20	Thôn Thịnh	497	475	95.57
21	Thôn Như Lân	1389	1330	95.75
22	Thôn Như Phụng Thượng	622	600	96.46
23	Thôn Như Phụng Hạ	375	360	96.00
24	Thôn Ngọc Bộ	379	365	96.31
25	Thôn Nhân Vực	174	166	95.40
26	Thôn Sở Đông	741	710	95.82
27	Thôn Lại Ốc	843	812	96.32
	Tổng	11.444	10.958	95.75